|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG**  **LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG**  Số: /NQ-CT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**  *Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2021* |

# NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

* Căn cứ Điều lệ công ty ngày 28/7/2016;
* Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 Công ty CP Nông lâm nghiệp Bình Dương ngày 26/3/2021.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua các văn kiện báo cáo bao gồm: báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc năm 2020 và kế hoạch năm 2021, báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về tình hình và kết quả hoạt động năm 2020, báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, trong đó thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

* Khai thác mủ cao su: 3.172,8 tấn.
* Khai thác điều hạt: 347,21 tấn.
* Thu mua mủ cao su: 4.564,8 tấn .
* Cho thuê các trại chăn nuôi, tổng diện tích trại cho thuê 373.000 m2.
* Tổng doanh thu: 131.899 triệu đồng.
* Lợi nhuận trước thuế: 19.049 triệu đồng.

***(Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%).***

**Điều 2.** Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 theo tờ trình số 05 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.

* Phân phối lợi nhuận năm 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Đvt** | **Tỷ lệ**  **trích lập** (%) | **Mức trích** |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | đồng |  | 15.351.954.550 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | đồng |  | 13.288.638.640 |
| 3 | Trích lập quỹ: |  |  |  |
|  | Quỹ đầu tư phát triển | đồng | 91,9 | 12.210.965.143 |
|  | Quỹ khen thưởng phúc lợi (trích 3 tháng lương) | đồng | 4,8 | 638.628.497 |
|  | Quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên  (trích 1,5 tháng lương) | đồng | 1,3 | 171.645.000 |
|  | Phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng | đồng | 0,3 | 37.400.000 |
|  | Khoản chi ủng hộ công tác xã hội tại địa phương | đồng | 1,7 | 230.000.000 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021 | đồng |  | 0 |

1. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Đvt** | **Tỷ lệ**  **trích lập** (%) | **Mức trích** |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | đồng |  | 19.049.895.334 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | đồng |  | 15.416.509.124 |
| 3 | Trích lập quỹ: |  |  |  |
|  | Quỹ đầu tư phát triển | đồng | 35-55,8 | Từ 5.402.577.813  đến 8.609.086.713 |
|  | Quỹ khen thưởng phúc lợi (trích 3 tháng lương) | đồng | 6,1 | 942.645.911 |
|  | Quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên  (trích 1,5 tháng lương) | đồng | 1,3 | 198.345.000 |
|  | Phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng | đồng | 0,2 | 25.450.000 |
|  | Tài trợ suất ăn bệnh nhân nghèo huyện Phú Giáo | đồng | 0,3 | 46.800.000 |
|  | Khoản chi ủng hộ công tác xã hội tại địa phương | đồng | 1,6 | 250.000.000 |
|  | Chia cổ tức (tỷ lệ 5% - 8%) | đồng | 34,7-55,5 | Từ 5.344.181.500  đến 8.550.690.400 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2022 | đồng |  |  |

**Điều 3.** Phê duyệt tiền thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả tiền thù lao HĐQT và BKS năm 2021 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chức danh** | **Đvt** | **Thù lao hàng tháng** |
| Chủ tịch HĐQT | trđ | 5,2 |
| Thành viên HĐQT | trđ | 4,2 |
| Trưởng BKS không chuyên trách | trđ | 2,4 |
| Thành viên BKS chuyên trách | trđ | 6,25 |
| Thành viên BKS không chuyên trách | trđ | 1,68 |

**Điều 4.** Ủy quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 cho công ty.

**Điều 5.** Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh quy định tại khoản 1, Điều 4 Điều lệ công ty.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty sau khi sửa đổi/bổ sung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Stt | Tên ngành, nghề kinh doanh  được bổ sung | Mã ngành |
| 1 | Chăn nuôi khác | 0149 |
| 2 | Trồng cây điều | 0123 |
| 3 | Trồng cây cao su | 0125 |
| 4 | Trồng cây lâu năm khác | 0129 |
| 5 | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp | 0240 |
| 6 | Nuôi trồng thuỷ sản nội địa | 0322 |
| 7 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng) | 4620 |
| 8 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn  Chi tiết: chăn nuôi lợn, cho thuê trang trại chăn nuôi lợn | 0145 |
| **9** | **Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp** | **0210 (chính)** |
| 10 | Chăn nuôi gia cầm  Chi tiết: chăn nuôi gà, chăn nuôi gia cầm khác, cho thuê trang trại chăn nuôi gia cầm | 0146 |
| 11 | Trồng cây ăn quả | 0121 |
| 12 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét  (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản) | 0810 |
| 13 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu  (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) | 2399 |
| 14 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không chứa than đá tại tỉnh Bình Dương; không sang, chiết, nạp khí hóa lỏng) | 4661 |
| 15 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa) | 4663 |
| 16 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  Chi tiết: Bán buôn mủ cao su, hạt điều, phân bón, giống cây trồng vật nuôi (heo, gà) (không chứa mủ cao su tại trụ sở chính) | 4669 |
| 17 | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |
| 18 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4730 |
| 19 | Khai thác gỗ | 0220 |
| 20 | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ | 0232 |
| 21 | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ | 0231 |
| 22 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 23 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 24 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.  Chi tiết: Cho thuê tài sản gắn liền với đất, cho thuê vườn cây kinh doanh; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư – đô thị - công nghiệp. Cho thuê lại đất, kho hàng nhà xưởng, bến bãi. | 6810 |
| 25 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  Chi tiết: Khách sạn. | 5510 |
| 26 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 27 | Dịch vụ ăn uống khác | 5629 |
| 28 | Dịch vụ phục vụ đồ uống | 5630 |
| 29 | Hoạt động của các cơ sở thể thao | 9311 |
| 30 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | 1104 |

**Điều 6**. Thay đổi một số điểm trong điều lệ Công ty

Điều lệ sửa đổi “Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2021, thay thế điều lệ Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 28 tháng 7 năm 2016”.

Điều lệ sửa đổi: “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Thay đổi số hiệu các viện dẫn của điều lệ công ty và luật số 59/2020/QH14:

|  |  |
| --- | --- |
| **Các khoản viện dẫn** | **Điều lệ sửa đổi** |
| Khoản 1.7 tiết 1 điều 1: Người có liên quan | Khoản 23 điều 4 của Luật doanh nghiệp |
| Khoản 1.3 tiết 1 điều 9: Yêu cầu mua lại cổ phần | Khoản 1 điều 132 của Luật doanh nghiệp |
| Tiết 6 điều 45: Trách nhiệm của người quản lý công ty | Điều 165 của Luật doanh nghiệp |
| Tiết 3.2 khoản 3 điều 20: Đại hội đồng cổ đông | Khoản 3 điều 140 của Luật doanh nghiệp |
| Tiết 3.1.4 khoản 3 điều 20: Đại hội đồng cổ đông | Khoản 4 điều 140 của Luật doanh nghiệp |
| Khoản 2 điều 46: Công khai lợi ích liên quan | Khoản 1 điều 167 của Luật doanh nghiệp |
| Khoản 1 điều 24: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện hơn 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. |
| Tiết 3.5 khoản 3 điều 30: Hội đồng quản trị | Khoản 2 điều 17 của Luật doanh nghiệp |
| Khoản 2 điều 33: quyền và nghĩa vụ của hội đồng quản trị | Khoản 2 điều 153 của Luật doanh nghiệp; điểm d khoản 2 điều 138; khoản 1 và khoản 3 điều 167 Luật doanh nghiệp |
| Khoản 1 điều 47: Hợp đồng, giao dịch phải được hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận | Khoản 1 điều 167 của Luật doanh nghiệp |
| Điều 42: Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát | Điều 170 của Luật doanh nghiệp |
| Khoản 2 điều 67: Ngày hiệu lực | Bản điều lệ này gồm XXII chương, 60 điều, được sửa đổi, bổ sung, thông qua tại Đại hội đồng cổ đông công ty ngày 26 tháng 3 năm 2021. ĐHĐCĐ chấp thuận toàn văn của Điều lệ này, có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 3 năm 2021, thay thế Điều lệ Công ty Cổ phần Nông Lâm Ngiệp Bình Dương được thông qua tại đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 28 tháng 7 năm 2016 |

Thay đổi danh tính các người đại diện pháp luật công ty ký ban hành Điều lệ công ty: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ đồng thời bầu các thành viên và chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Điều 7. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị nhiệm kì năm 2021-2026**

1. Sửa đổi các điểm bổ sung và thay thế trong Điều lệ.

1. Các người đại diện pháp luật công ty ký và ban hành Điều lệ công ty

**Điều 8.** Thống nhất bầu HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm các thành viên như sau:

1. Ông …………………………. – Chủ tịch HĐQT
2. Ông …………………………. – Thành viên HĐQT
3. Ông …………………………. – Thành viên HĐQT

**Điều 9.** Thống nhất bầu BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm các thành viên như sau:

1. Bà ………………………… – Trưởng BKS
2. Bà ………………………… – Thành viên BKS
3. Bà ………………………… – Thành viên BKS

**Điều 10.** Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 26/3/2021.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai và Ban kiểm soát giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**   * Website công ty; * HĐQT, Tổng giám đốc; * Ban kiểm soát; * Lưu. | TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNGCHỦ TỊCH HĐQT   ĐOÀN MINH QUANG |